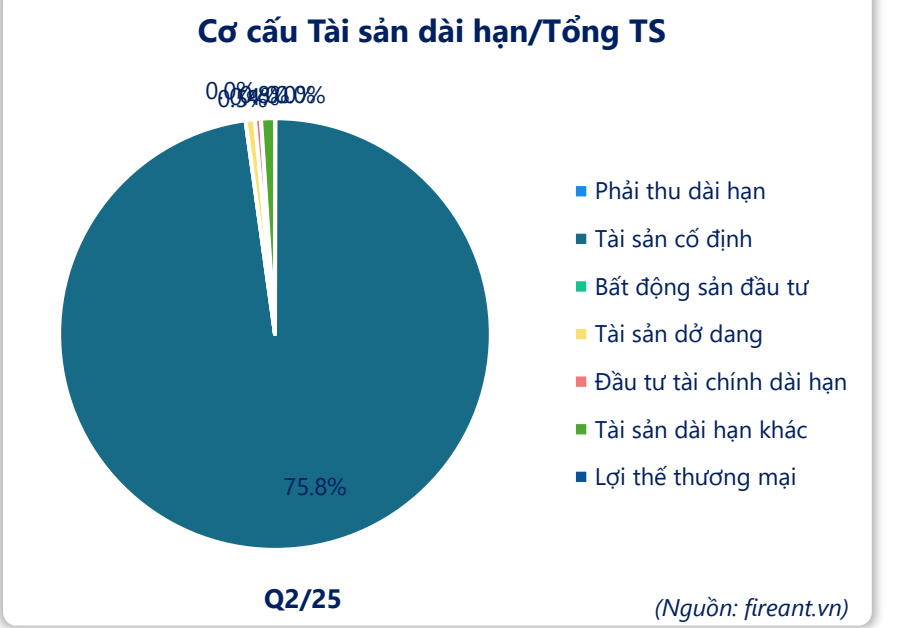
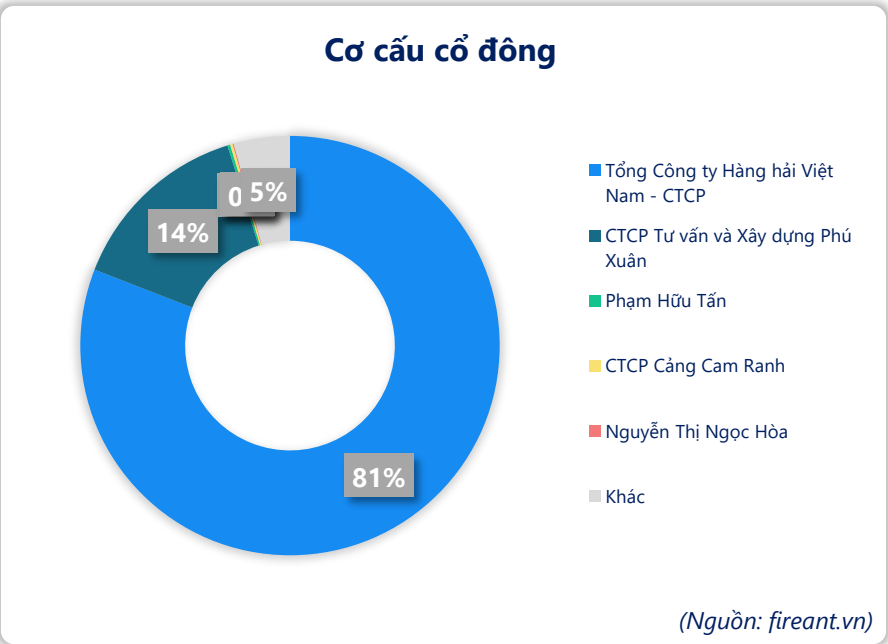
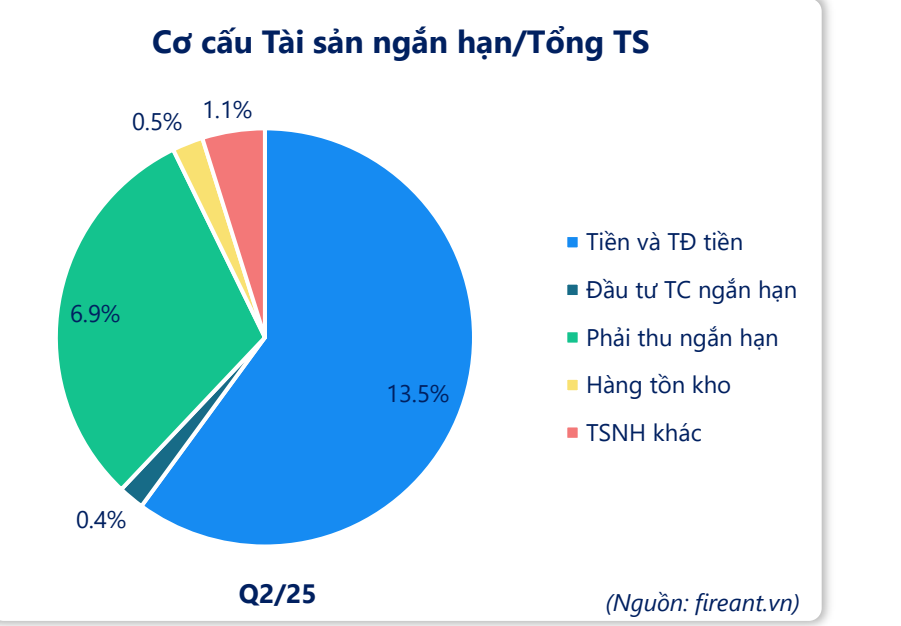
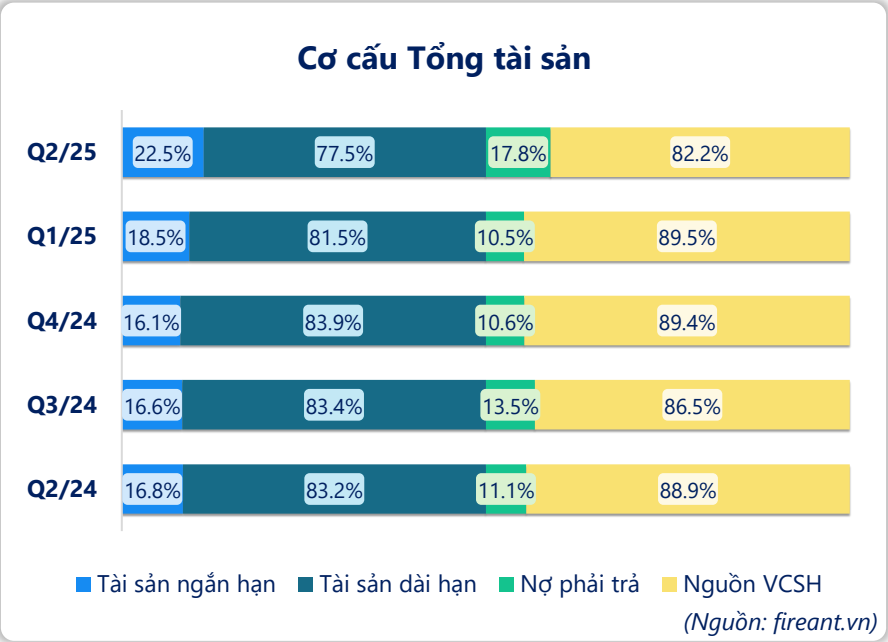
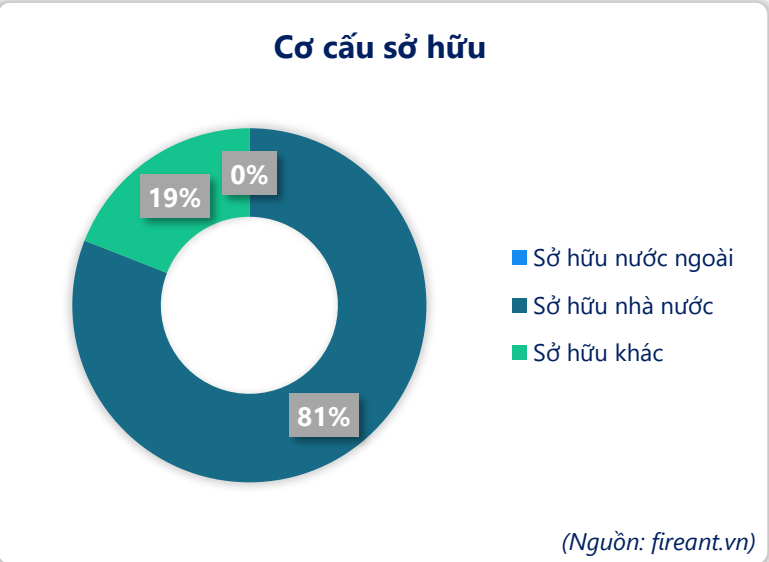
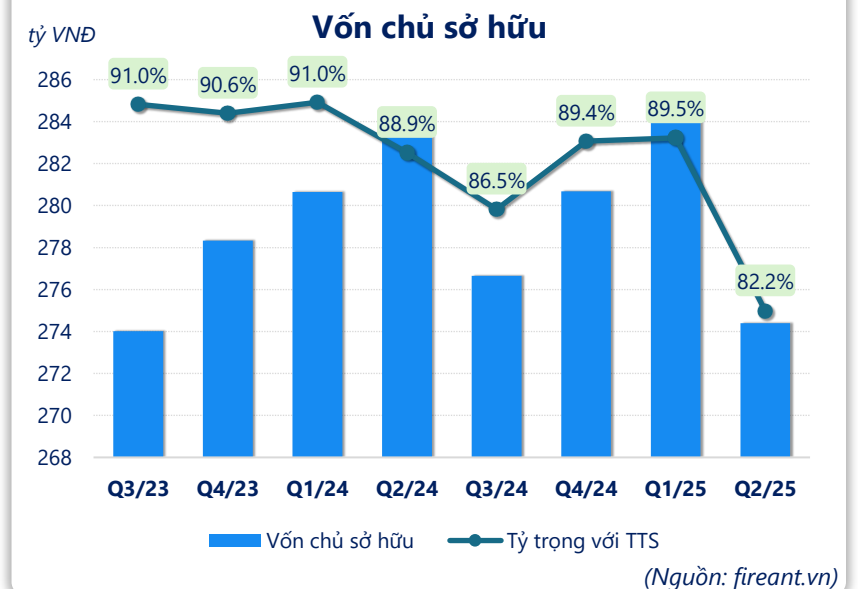
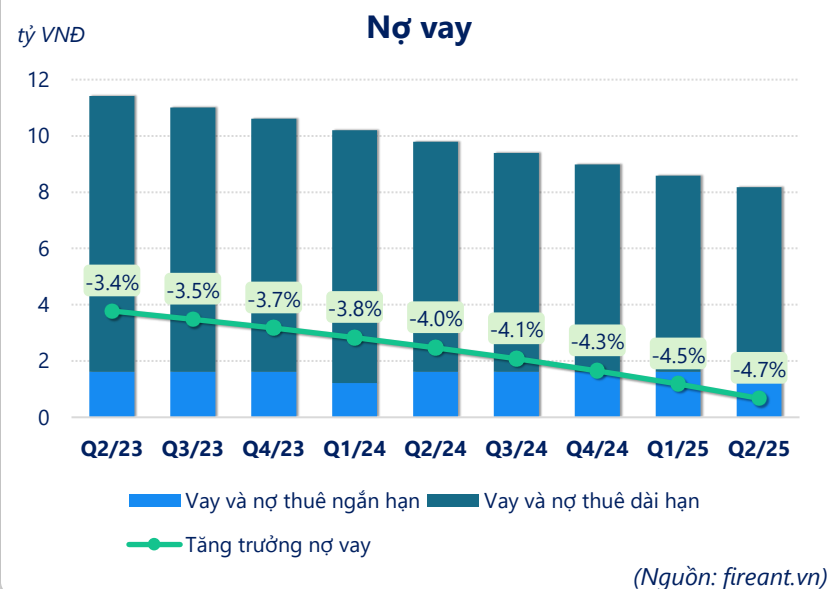
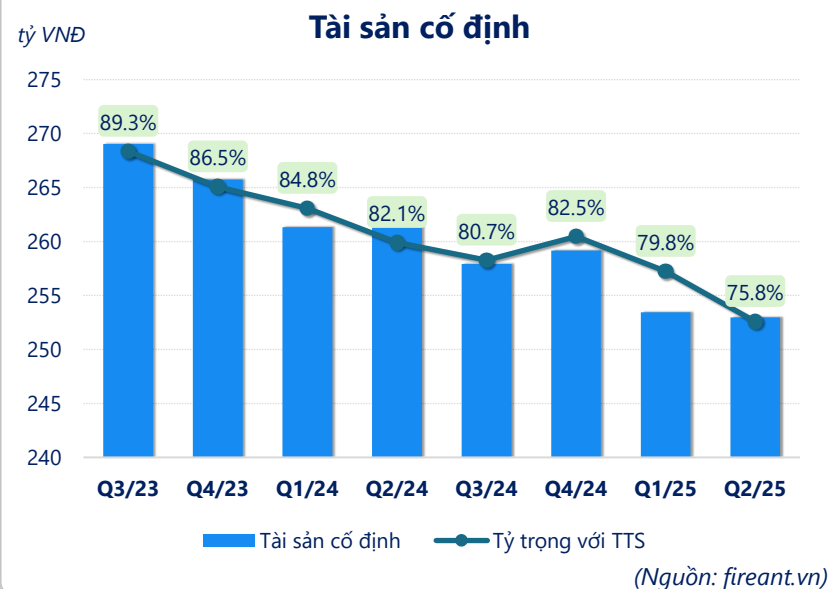
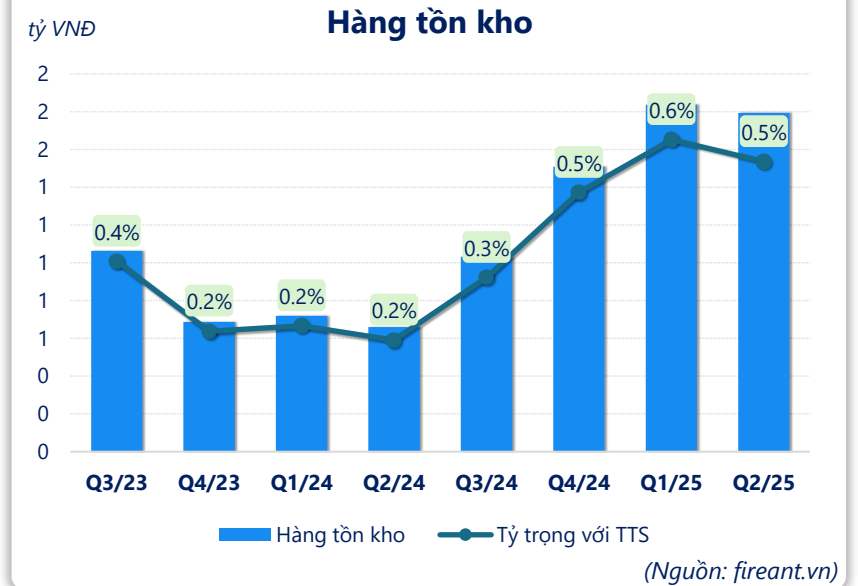
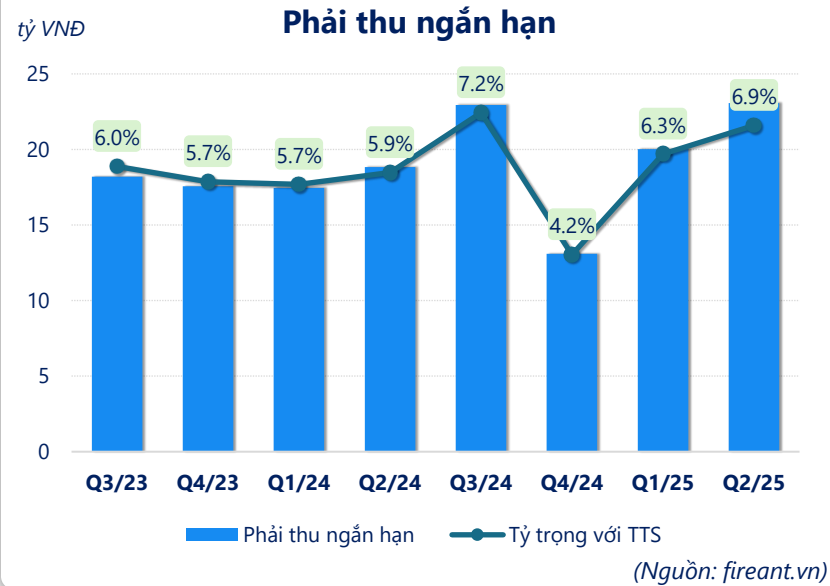
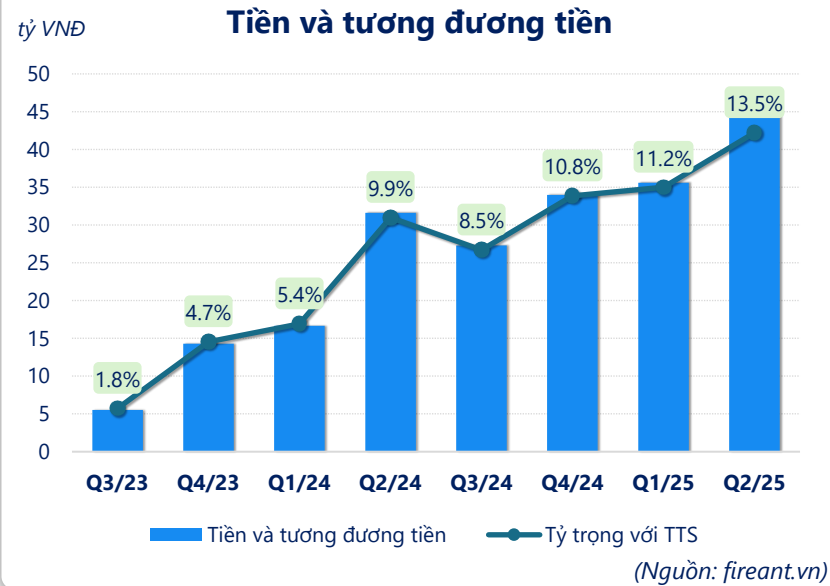
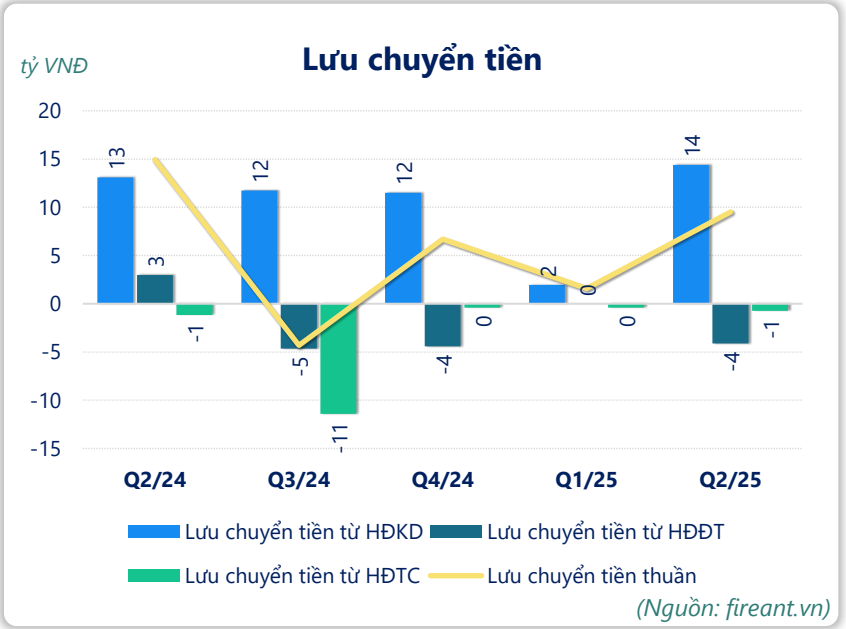
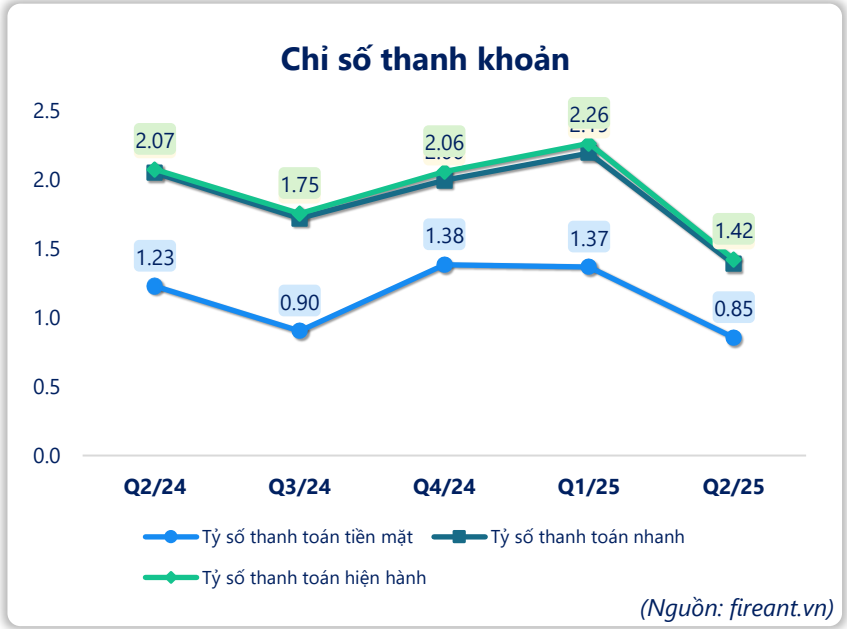
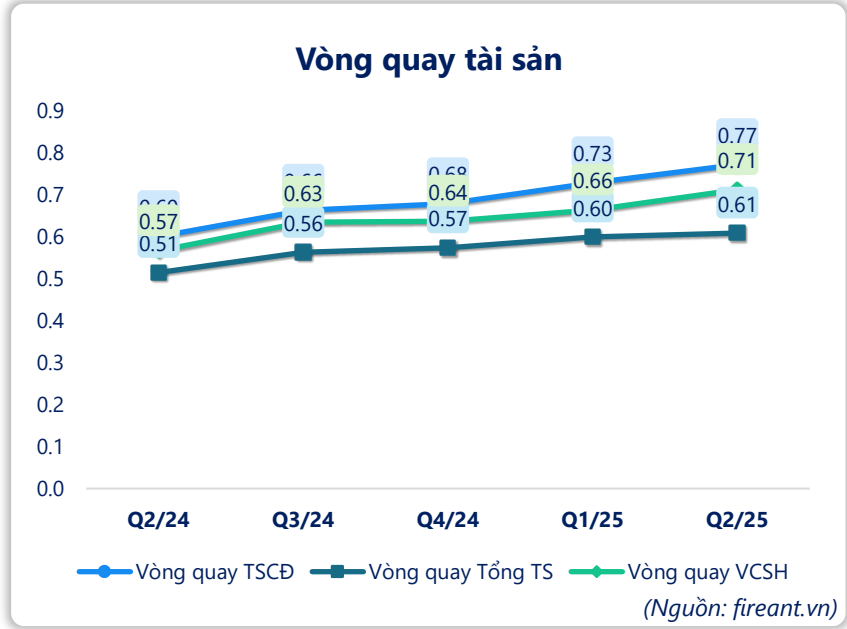
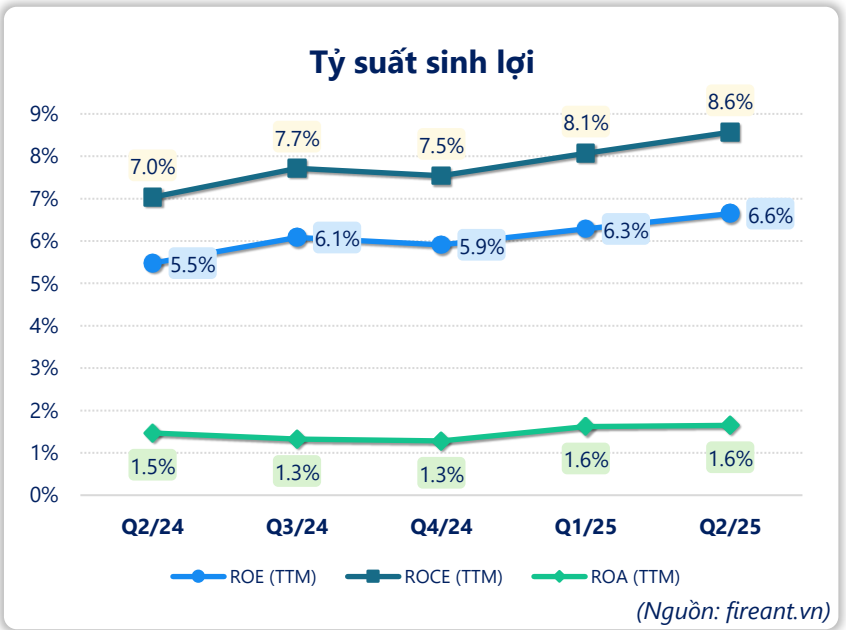
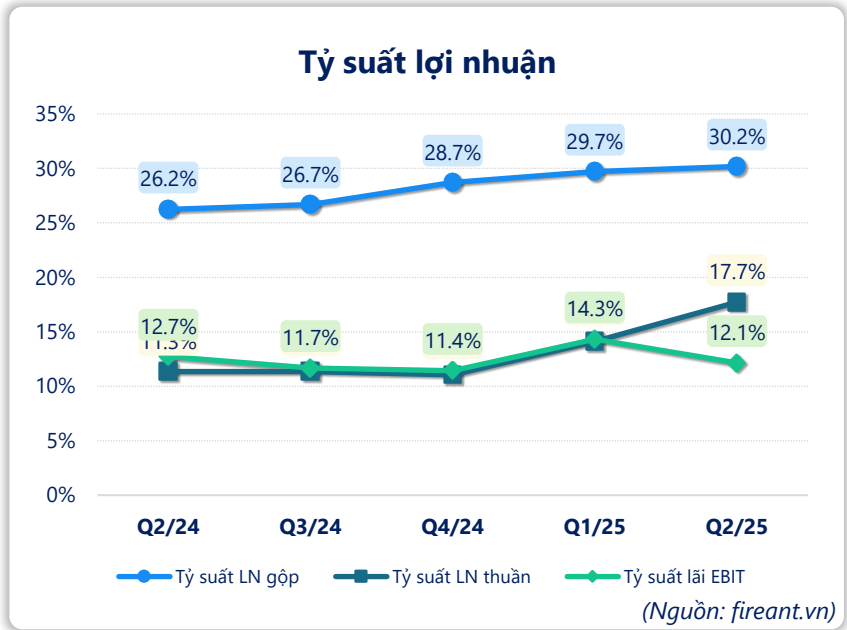
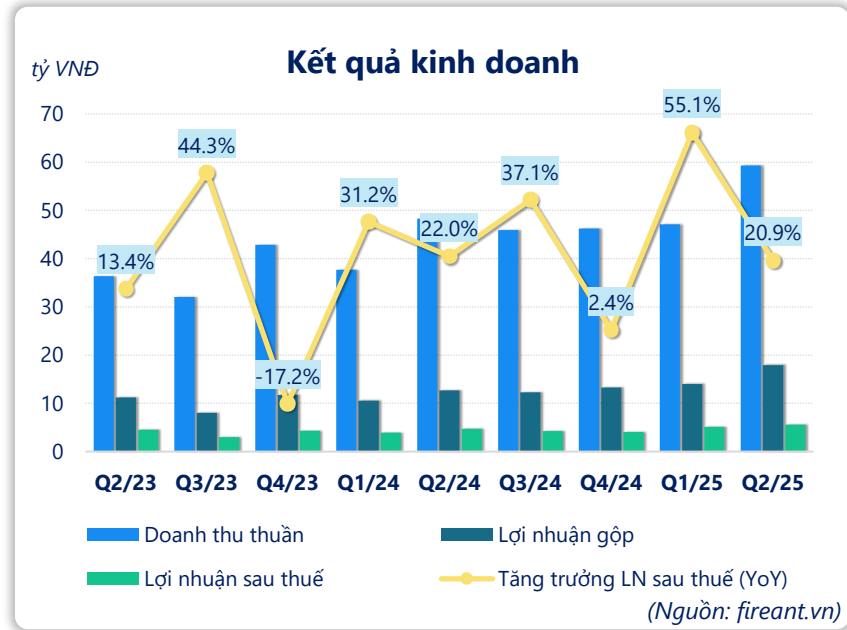


Thông tin giao dịch		30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		12,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		15,311
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		11,363
SL cổ phiếu LH		24,453,617
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,380
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		308
P/E		16.6
EPS		758

	YTD	1T	3T	6T
CCR	-5.9%	0.7%	1.4%	0.7%
VNINDEX	8.4%	2.1%	5.3%	8.0%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	334	315	6.1%
Tài sản ngắn hạn	75.1	50.6	48.2%
Tiền và tương đương tiền	45.1	34.0	32.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.50	1.50	0.0%
Phải thu ngắn hạn	23.1	13.1	75.7%
Hàng tồn kho	1.79	1.51	19.0%
Tài sản ngắn hạn khác	3.64	0.51	613%
Tài sản dài hạn	259	264	-2.0%
Phải thu dài hạn	0.10	0.10	0.0%
Tài sản cố định	253	259	-2.4%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1.80	2.24	-19.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	1.17	1.17	0.0%
Tài sản dài hạn khác	2.68	1.45	84.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	59.4	34.2	73.6%
Nợ ngắn hạn	52.8	25.5	107%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.62	1.62	0.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	9.22	6.55	40.8%
Nợ dài hạn	6.62	8.73	-24.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	6.56	7.37	-11.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	274	281	-2.2%
Vốn chủ sở hữu	274	281	-2.2%
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Doanh thu thuần	48.3	45.9	46.2	47.1	59.3
Giá vốn hàng bán	35.6	33.7	33.0	33.1	41.4
Lợi nhuận gộp	12.7	12.3	13.3	14.0	17.9
Doanh thu HĐTC	0.75	0.13	0.28	0.66	0.98
Chi phí TC	0.22	0.17	0.20	0.15	0.18
Chi phí lãi vay	0.22	0.17	0.20	0.15	0.18
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.07	0.19	0.07	0.07	0.07
Chi phí QLDN	7.64	6.82	8.17	7.78	8.12
LN thuần từ HĐKD	5.48	5.21	5.11	6.65	10.5
Lợi nhuận khác	0.44	-0.01	-0.03	-0.06	-3.49
LN trước thuế	5.92	5.20	5.08	6.59	7.02
Lợi nhuận sau thuế	4.72	4.24	4.05	5.13	5.57
LNST của CĐ cty mẹ	4.60	4.11	3.98	5.07	5.38

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	13.1	11.7	11.5	1.95	14.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	2.99	-4.65	-4.40	0.03	-4.13
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.15	-11.4	-0.41	-0.41	-0.75
Tiền đầu kỳ	16.7	31.6	27.3	34.0	35.6
Lưu chuyển tiền thuần	14.9	-4.31	6.70	1.57	9.52
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	31.6	27.3	34.0	35.6	45.1

(Nguồn: fireant.vn)